TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KÔNG CHRO** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HSST
Ngày: 23/9/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO TỈNH GIA LAI
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tiến.
Các Hôi thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Quốc.
2. Bà Ngô Thị Tuyết Mai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tình, Cán bộ Toà án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, Toà án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2022/HSST, ngày 27/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS, ngày 09/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Đàm Văn T, sinh ngày 05/10/1986 tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Bằng Lương, xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã Yang Trung, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Văn Nghĩa, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị Tiến, sinh năm 1958; Bị cáo có vợ là chị Lò Thị Hạnh, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2008. Nhân thân bị cáo: Ngày 31/8/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022, tạm giam từ ngày 24/02/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Thế H**, sinh ngày 15/02/1995 tại thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố Phú Quang, phường Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã Yang Trung, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thế Hà ,sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Chính, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ là chị Mai Thị Nguyệt, sinh năm 1996, bị cáo có 01 con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022, tạm giam từ ngày 24/02/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Đức N**, sinh ngày 30/8/1994 tại tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký HKTT: 61/3 Tiền Lân 1, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Pảh, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức Luận, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Khánh Vân, sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022, tạm giam từ ngày 24/02/2022 đến nay có mặt tại phiên tòa.

4. **Đậu Quang H**, sinh ngày 24/11/1995 tại huyện M'Đrăp, tỉnh Đăk Lăk; Nơi cứ trú: Thôn Tân Thủy, xã Ia Vê, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đậu Văn Hòe, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Bình, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ là Bùi Thị Hằng, sinh năm 1999 và 01 con sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 18/02/2022, tạm giam từ ngày 24/02/2022, ngày 07/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng hình thức cho bảo lĩnh, ngày 04/8/2022 bị bắt tạm giam đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Hoàng T**, sinh ngày 11/11/1985 tại thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 4, thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Buôn bán phế liệu. Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh Nhị , sinh năm 1946 và bà Lưu Thị Hồng Sánh, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thái Thụy, sinh năm 1986 và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022, tạm giam từ ngày 24/02/2022 đến ngày 18/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng hình thức cho bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Thị Thái T**, sinh ngày 04/5/1986 tại huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 4, thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Buôn bán phế liệu. Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nũ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công Noan (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1959; Bị cáo có chồng là Lê Hoàng T, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. **Nguyễn Duy N,** sinh ngày 02/01/1988 tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Khu vực Tiên Hòa, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn Đạt, sinh năm 1964 và bà Phan Thị Dư, sinh năm 1962; Bị cáo có vợ là Trần Thị Phi, sinh năm 1988 và 01 con, sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2022, tạm giam từ ngày ngày 24/02/2022 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Công ty cổ phần công nghiệp; địa chỉ: Số 23, ngõ 36 Đào Tấn, cụm 14, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Có ông Tống Văn T - Giám đốc công ty là người đại diện hợp pháp. Vắng mặt và có đơn xin đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1970; Trú tại: Số 115 Lê Duẩn, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2003; Trú tại: Trường Cao đẳng kỹ thuật phòng không không quân, xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1992; Trú tại: Số 220 Nguyễn Du, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Văn T là quản lý công trường của công ty cổ phần đầu tư xây dựng Đạt M tại trụ điện gió số 17, thuộc Dự án nhà máy phong điện Yang Trung. Do Thành biết việc chủ đầu tư chuẩn bị chấm dứt hợp đồng thi công với công ty Đạt M và công ty Đạt M phải bàn giao lại toàn bộ vật tư, thiết bị của trụ điện gió số 17 thuộc thôn 2, xã Đăk Pơ Pho, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai cho công ty cổ phần công nghiệp Khai M nên Thành đã nảy sinh ý định trộm cắp cuộn cáp điện bán lấy tiền tiêu xài.

Ngày 20/12/2021, Đàm Văn T đến nhà vợ chồng Lê Hoàng T và Nguyễn Thị Thái T hỏi "có mua cáp điện không?", T hỏi "cáp điện có to không, ở đâu ra?" thì Đàm Văn T trả lời "cáp điện to bằng cổ chân, bọn em làm xong rồi, dọn bãi, thanh lý" thì Thụy nói "vậy khi nào có thì bán cho chị" rồi Đàm Văn T đi về.

Đến ngày 25/12/2021, Đàm Văn T đến trụ điện gió số 17 và chụp hình cuộn cáp điện còn nguyên đai, nguyên kiện và một số hình ảnh cuộn cáp đang thi công rồi gửi cho T. Thụy đưa hình cho chồng là Lê Hoàng T xem và bàn bạc mua cuộn cáp điện trên để bán lại kiếm lời. Sau đó, Lê Hoàng T nói T liên lạc với Nguyễn Duy N xem có mua cuộn cáp điện trên không thì N đồng ý mua với giá 105.000đồng/kg. Lê Hoàng T liên lạc với Đàm Văn T thỏa thuận mua cuộn cáp trên với giá 80.000.000 đồng. Khi tìm được nơi tiêu thụ, Đàm Văn T gọi điện thoại cho Trần Thế H rủ cẩu trộm cuộn cáp điện thì H đồng ý.

Khoảng 14 ngày 01/01/2022, Đàm Văn T gọi điện cho Lê Hoàng T lên chở cuộn cáp điện, rồi gọi điện thoại cho Trần Thế H bảo H chuẩn bị lên trụ điện gió số 17 để cẩu cuộn cáp. Sau đó, Đàm Văn T sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 81A-4235 chở Trần Đức N và Đậu Quang H đi trộm cắp cuộn cáp điện, khi đến ngã ba thôn 9, xã Chơ Glong, huyện Kông Chro thì T nói H xuống xe đi vào quán nước ngồi cảnh giới, nếu phát hiện có xe của công ty vào thì điện thoại báo cho T biết. Còn H và N đi vào trụ điện gió số 17 để cẩu cuộn cáp điện. Lúc này, Đàm Văn T gửi số điện thoại của H cho Lê Hoàng T để liên lạc,

rồi T đi về phòng trọ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Lê Hoàng T điện thoại cho Nguyễn Duy N nói lên chở cuộn cáp, rồi T lái xe ô tô tải biển kiểm soát 78K-7824 đi đến trụ điện gió số 17. Trên đường đi thì gặp H đang điều khiển xe cẩu đi phía trước nên T điều khiển xe đi theo sau. Khi đến trụ điện gió số 17 thì H dừng xe cẩu ở gần đầu tua bin, Lê Hoàng T dừng xe tải ở bên cạnh xe cẩu. H đưa cần cẩu vào rồi cùng N, T cẩu cuộn cáp điện lên thùng xe tải, cố định cuộn cáp và lấy bạt che lại. Tiếp đó, Lê Hoàng T điều khiển xe tải chở cuộn cáp điện đến rừng bạch đàn thuộc thôn 3, xã Đăk Pơ Pho, huyện Kông Chro chờ Nguyễn Duy N đến.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Duy N điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 47C-013.56 chở theo Nguyễn Văn N và Nguyễn Tuấn A (là người được N thuê đi bốc phế liệu) đến nhà của Nguyễn Thị Thái T bốc phế liệu, đồng thời đưa cho T 30.000.000 đồng và nói đưa trước tiền mua cuộn cáp điện, số tiền còn lại N sẽ thanh toán sau khi bán được cuộn cáp. Sau đó, T dẫn Nguyễn Duy N đi đến rừng bạch đàn nơi Lê Hoàng T đang chờ, khi đến nơi nhìn thấy cuộn cáp điện còn nguyên đai, nguyên kiện và việc giao nhận cuộn cáp ở khu vực vắng người, đêm tối thì N biết đó là tài sản trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua và chở cuộn cáp điện đến đám đất hoang thuộc khu vực Tiên Hòa, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đốt lấy lõi Đồng, rồi bán phế liệu cho bà Trần Thị H được 63.884.000 đồng. N báo cho T biết việc bán cuộn cáp bị lỗ và thỏa thuận đưa thêm cho T số tiền còn thiếu là 34.000.000 đồng.

Ngày 02/01/2022, Đàm Văn T đến nhà Lê Hoàng T lấy số tiền 80.000.000 đồng, rồi chia cho Trần Thế H 20.000.000 đồng, Trần Đức T 15.000.000 đồng, Đậu Quang H 2.000.000 đồng và đưa cho Phạm Thanh D là công nhân làm cùng công ty với T số tiền 2.000.000 đồng (vì T thường xuyên nhờ D mua đồ ăn, nước uống cho T). Số tiền bán cuộn cáp điện các đối tượng đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 22/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kông Chro, xác định: 01 quả lô cáp điện trung thế 20KV trị giá 314.965.498 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT - VKS, ngày 26 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Đàm Văn T, Trần Thế H, Trần Đức N và Đậu Quang H có lý lịch nêu trên về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Hoàng T, Nguyễn Thị Thái T và Nguyễn Duy N có lý lịch nêu trên về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm như đã truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật và mức hình phạt Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn T, Trần Thế H, Trần Đức N và Đậu Quang H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Tuyên bố các bị cáo Lê Hoàng T, Nguyễn Thị Thái T và Nguyễn Duy N có lý lịch nêu trên về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Đàm Văn T từ 05 năm đến 06 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Thế H, Trần Đức N và Đậu Quang H; áp dụng thêm điểm t, khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thế H:

+ Xử phạt các bị cáo Trần Thế H, Trần Đức N từ 03 năm đến 03 năm 04 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Đậu Quang H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Hoàng T và Nguyễn Duy N, áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Lê Hoàng T:

+ Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T từ 03 năm đến 03 năm 04 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thái T từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Ngoài ra đại diện VKS còn nêu ý kiến trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kông Chro, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Do biết công ty cổ phần đầu tư xây dựng Đạt M chuẩn bị bàn giao lại toàn bộ vật tư, thiết bị của trụ điện gió số 17 thuộc thôn 2, xã Đăk Pơ Pho, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai cho công ty cổ phần công nghiệp Khai Minh nên Đàm Văn T nảy sinh ý định trộm cắp cáp điện bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 25/12/2021, Đàm Văn T liên hệ với vợ chồng Lê Hoàng T và Nguyễn Thị Thái T là người mua bán phế liệu để tiêu thụ tài sản trộm cắp.

Đến khoảng 14 giờ ngày 01/01/2022, Đàm Văn T rủ Trần Thế H, Trần Đức N và Đậu Quang H đi trộm cắp 01 cuộn cáp điện trung thế 20KV trị giá 314.965.498

đồng của công ty cổ phần công nghiệp Khai M rồi bán cho vợ chồng Lê Hoàng T và Nguyễn Thị Thái T với giá 80.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng Lê Hoàng T và Nguyễn Thị Thái T thỏa thuận bán cuộn cáp lại cho Nguyễn Duy N với giá 90.000.000 đồng. Sau khi mua cuộn cáp điện Nguyễn Duy N đã chở về đám đất hoang thuộc khu vực Tiên Hòa, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đốt cuộn cáp được 329,3kg đồng, rồi bán cho bà Trần Thị H được 63.884.000 đồng. Số tiền 80.000.000 đồng do bán tài sản trộm cắp mà có, Đàm Văn T chia cho Trần Thế H 20.000.000 đồng, Trần Đức N 15.000.000 đồng, Đậu Quang H 2.000.000 đồng và cho anh Phạm Thanh D 2.000.000 đồng.

Về phần Nguyễn Duy N, sau khi bán cuộn cáp bị lỗ, N báo lại cho vợ chồng Lê Hoàng T biết và thỏa thuận trả số tiền mua cuộn cáp tổng cộng là 64.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội trên đây của các bị cáo Đàm Văn T, Trần Thế H, Trần Đức N, Đậu Quang H, Lê Hoàng T, Nguyễn Thị Thái Tvà Nguyễn Duy N; lời khai của bị hại là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Đàm Văn T, Trần Thế H, Trần Đức N, Đậu Quang H phạm tội Trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Hoàng T, Nguyễn Thị Thái T và Nguyễn Duy N đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm a khoản 3 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Đàm Văn T thì thấy rằng: Bị cáo là người rủ rê khởi xướng các bị cáo Trần Thế H, Trần Đức N và Đậu Quang H trộm cắp tài sản nên giữ vai trò chính trong vụ án; nhân thân bị cáo Ngày 31/8/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã chấp hành xong). Xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có mức án cao hơn các bị cáo khác; đồng thời cũng cần xem xét cho bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần để khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan điều tra đầu thú, cha của bị cáo là thương binh, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[2.2] Đối với các bị cáo Trần Thế H, Trần Đức N được bị cáo Đàm Văn T rủ rê tham gia trộm cắp, các bị cáo nhận thức được việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tham gia và giữ vai trò là người thực hành tích cực do đó cũng cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; đồng thời cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đã tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan điều tra đầu thú; bị cáo N được tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự năm 2018, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm

b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo.

[2.3] Đối với bị cáo Đậu Quang H, được bị cáo Đàm Văn T rủ rê tham gia trộm cắp, bị cáo cũng nhận thức được việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tham gia, bị cáo giữ vai trò là người giúp sức với vai trò không đáng kể, cảnh giới cho các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả, năm 2018 được tặng Giấy khen khi thực hiện nghĩa vụ quân sự; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó cần áp dụng mức án tương xứng với hành vi của bị cáo, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[2.4] Đối với các bị cáo Lê Hoàng T, Nguyễn Thị Thái T và Nguyễn Duy N, Không có hứa hẹn khi mua tài sản trộm cắp nhưng khi nhìn thấy cuộn cáp điện còn nguyên đai, nguyên kiện, không có giấy tờ hợp pháp nên biết rõ đó là tài sản trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua nên đồng phạm với nhau về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo cũng cần có mức án nghiêm khắc đối với từng bị cáo, đồng thời cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo mặc dù không có trách nhiệm bồi thường nhưng đã tự nguyện bồi thường để cùng các bị cáo phạm tội trộm cắp để khắc phục hậu quả (bị cáo Lê Hoàng T và Nguyễn Thị Thái T 30.000.000 đồng, Nguyễn Duy N 10.000.000 đồng), các bị cáo đều có nhân thân tốt, quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo T và T tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo N là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Thị Thái T tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo Lê Hoàng T (là chồng), bị cáo đang nuôi hai con còn nhỏ, do đó không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng chế định án treo cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo, có thời gian chăm lo cuộc sống gia đình, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[3]. Đối với bị hại là Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai M có ông Tống Văn T, Giám đốc Công ty đại diện, do hành vi trộm cắp của các bị cáo gây thiệt hại cho Công ty 01 cuộn cáp điện trung thế 20KV trị giá 314.965.498 đồng. Về hành vi phạm tội của các bị cáo đại diện Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai M ông Tống Văn T đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Ông Tống Văn T đại diện Công ty yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 480.000.000 đồng, bao gồm tiền mua mới cuộn cáp điện thay thế, tiền vận chuyển cuộn cáp điện đến trụ điện gió số 17 và tiền chi phí kho bãi. Yêu cầu trên là có cơ sở cần buộc các bị cáo bồi thường tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Các bị cáo Lê Hoàng T và Nguyễn Thị Thái T, Nguyễn Duy N mặc dù không có trách nhiệm bồi thường nhưng đã tự nguyện bồi thường để cùng các bị cáo phạm tội trộm cắp để khắc phục hậu quả, trong đó bị cáo Lê Hoàng T và Nguyễn Thị Thái T 30.000.000 đồng, Nguyễn Duy N 10.000.000 đồng và ông Phạm Thanh D 2.000.000 đồng. Số tiền trên được trừ vào tổng số tiền các bị cáo phạm tội trộm cắp phải bồi thường và buộc các bị cáo phải bồi thường phần còn lại theo quy định.

[4]. Về vật chứng:

- Đối với 01 miếng nhựa màu đen đã bị cháy biến dạng còn sót lại tại hiện trường sau khi Nguyễn Duy N đốt cuộn cáp lấy lõi đồng không có giá trị cần tiêu hủy.

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu VINAXUKI, biển kiểm soát 47C - 013.56 của Nguyễn Duy N dùng để chở cuộn cáp điện, là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu VINAXUKI, biển kiểm soát 78K-7824 do Lê Hoàng T dùng để chở cuộn cáp điện. Quá trình điều tra xác định xe ô tô trên là của Nguyễn Minh Q cho vợ chồng Lê Hoàng T mượn để chở hàng, việc Lê Hoàng T dùng xe để chở cuộn cáp điện thì Quang không biết. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kông Chro đã trả lại xe ô tô trên cho chủ sở hữu Nguyễn Minh Q là có căn cứ.

- Đối với xe ô tô cẩu, nhãn hiệu DONGFENG, biển kiểm soát 36C-357.91 và xe mô tô, nhãn hiệu SUPERDREAM, biển kiểm soát 36L-3384 là của ông Nguyễn Văn L. Trong quá trình thi công công trình điện gió, ông L giao xe cẩu cho H lái. Việc H và N sử dụng xe ô tô cẩu và xe mô tô trên để đi trộm cắp tài sản thì ông L không biết. Vì vậy, cơ quan CSĐT Công an huyện Kông Chro không tạm giữ hai xe trên là có căn cứ.

01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, biển kiểm soát 81A-4235 do Đàm Văn T sử dụng để tham gia việc trộm cuộn cáp điện. Quá trình điều tra xác định xe ô tô trên là của Vũ Hồng T cho công ty Đạt M thuê, việc Đàm Văn T dùng xe để tham gia việc trộm cắp tài sản thì giám đốc Công ty Đạt M và chủ sở hữu xe không biết. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kông Chro không tạm giữ xe ô tô trên là có căn cứ.

[5] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H là người thường xuyên mua phế liệu từ bị cáo Nguyễn Duy N. Bị cáo N đã cắt khúc cuộn cáp điện, đốt lấy đồng và bán cho bà H. Khi mua đồng thì H không biết đó là tài sản do Trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xử lý Nguyễn Thị H về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với Nguyễn Văn N và Nguyễn Tuấn A là người được N thuê để bốc xếp phế liệu, việc N mua tài sản trộm cắp thì N và A không biết nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[7] Đối với việc Đàm Văn T cho ông Phạm Thanh D số tiền 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Ông D không biết số tiền trên là do Đàm Văn T bán tài sản trộm cắp mà có nên nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn T, Trần Thế H, Trần Đức N và Đậu Quang H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Các bị cáo Lê Hoàng T, Nguyễn Thị Thái T và Nguyễn Duy N phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Đàm Văn T 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Thế H và Trần Đức N; áp dụng thêm điểm t, khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Trần Thế H:

+ Xử phạt các bị cáo Trần Thế H, Trần Đức N mỗi bị cáo 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Đậu Quang H 02 (hai) năm tù. Được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2022 đến ngày 07/4/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 04/8/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Hoàng T và Nguyễn Duy N; áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 cho bị cáo Lê Hoàng T:

+ Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T 03 (Ba) năm 04 (bốn) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2022 đến ngày 18/4/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 02 (hai) năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thái T 36 (ba sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 86 của Luật Thi hành án hình sự:

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thái T cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú là Ủy ban nhân dân thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc các bị cáo Đàm Văn T, Trần Thế H, Trần Đức N và Đậu Quang H phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai M có ông Tống Văn T, Giám đốc Công ty đại diện số tiền 480.000.000 đồng. Các bị cáo và người liên quan đã tự nguyện bồi thường và nộp lại cụ thể là Lê Hoàng T và Nguyễn Thị Thái T 30.000.000 đồng, Nguyễn Duy N 10.000.000 đồng và ông Phạm Thanh D 2.000.000 đồng.

- Các bị cáo Đàm Văn T, Trần Thế H, Trần Đức N và Đậu Quang H còn phải bồi thường số tiền 438.000.000 đồng; trong đó bị cáo Đàm Văn T phải bồi thường 180.000.000 đồng, đã bồi thường 10.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 170.000.000 đồng; Bị cáo Trần Thế H phải bồi thường số tiền 114.000.000 đồng, đã bồi thường 78.500.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 35.500.000 đồng; Bị cáo Trần Đức N phải bồi thường số tiền 114.000.000 đồng, đã bồi thường 78.500.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 35.500.000 đồng; Bị cáo Đậu Quang H phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, đã bồi thường 12.000.000 đồng,còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 18.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe ô tô nhãn hiệu VINAXUKI, biển kiểm soát 47C - 013.56, tình trạng đã qua sử dụng của Nguyễn Duy N dùng làm phương tiện phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy : Đối với 01 miếng nhựa màu đen đã bị cháy biến dạng còn sót lại tại hiện trường sau khi Nguyễn Duy N đốt cuộn cáp lấy lõi đồng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/8/2022 giữa Công an huyện Kông Chro và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kông Chro).

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đàm Văn T, Trần Thế H, Trần Đức N, Đậu Quang H, Lê Hoàng T, Nguyễn Thị Thái T và Nguyễn Duy N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự: Bị cáo Đàm Văn T phải chịu 8.500.000 đồng, các bị cáo Trần Thế H, Trần Đức N mỗi bị cáo phải chịu 1.775.000 đồng, bị cáo Đậu Quang H phải chịu 900.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để xin xét xử phúc thẩm. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Văn Tiến

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND huyện Kông Chro;*
- *Công an huyện Kông Chro;*
- *Các Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Thi hành án;*

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**